

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2025/DS-PT

Ngày 27/8/2025

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Mai Vương Thảo

Bà Trần Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 123/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 193/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 238/2025/QĐPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 364/TB-TA ngày 05 tháng 6 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 404/TB-TA ngày 17 tháng 6 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 406/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 659/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C - Trụ sở: Thôn L, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 04, Ngõ 68 đường N, tổ 08, phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

1. Văn phòng Luật sư B - Địa chỉ: P702, Tòa tháp A, số 173 đường X, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh T - Chức vụ: Trưởng Văn phòng. (Có mặt).

2. Ông Hoàng Trọng P - Sinh năm: 1963 - Địa chỉ: Tổ 08, phường M, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Địa chỉ liên hệ: P702, Tòa tháp A, số 173 đường X, quận C, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

3. Bà Hoàng Thị D - Sinh năm: 1988 - Địa chỉ: Số 12 đường B, phường K, quận C, (nay là phường C) thành phố Đà Nẵng. (Tại phiên toà ngày 19/5/2025 có mặt, tại phiên toà ngày 27/8/2025 có đơn xin vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Phan Minh T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư B - Địa chỉ: P702, Tòa tháp A, số 173 đường X, quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh G - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Số 67 đường P, phường T, quận H, (nay là phường Hải Châu) thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- *Người Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn:* Ông Hồ Minh K - Sinh năm: 1981 - Địa chỉ: Số 177 đường T, phường Đ, quận H, (nay là phường H) thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn H - sinh năm 1954 - Địa chỉ: Số nhà 04 ngõ 68 đường N, tổ 8, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn S- Sinh năm 1972 - Địa chỉ: 67 đường K, phường T, quận H, (nay là phường H) thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Minh H1 - sinh năm 1976 - Địa chỉ: Số nhà 04 ngõ 68 đường N, tổ 8, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

4. Bà Đoàn Thị Nhật M - Địa chỉ: Số nhà 04 ngõ 68 đường N, tổ 8, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị T1 - Địa chỉ: K07/07 Bàu Trảng 1, phường T, quận T, (nay là phường T) thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2. Ông Phạm Đức B - Địa chỉ: 289/9 đường P, phường T, quận H, (nay là phường H) thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C, là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty C và người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Hoàng Trọng P và bà Hoàng Thị D trình bày:*

Do quen biết và có lòng tin từ trước, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C (gọi tắt là Công ty C) do ông Phạm Văn H làm tổng giám đốc có ký 2 hợp đồng cho bà Nguyễn Thị Thanh G vay tiền, bao gồm:

+ Lần 1: Ngày 01/11/2010, Công ty C ký hợp đồng cho bà G vay số tiền 3.500.000.000 đồng, hình thức tín chấp, theo lãi suất ngân hàng. Công ty C đã giao tiền thành 2 đợt. Đợt 1, số tiền là: 500.000.000 đồng (phiếu chi ngày 01/11/2010); Đợt 2, số tiền là: 3.000.000.000 đồng (phiếu chi ngày 10/11/2010), thời hạn vay từ 01/11/2010 đến 01/11/2012.

+ Lần 2: Ngày 12/01/2011 Công ty C ký hợp đồng cho bà G vay số tiền 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 12/01/2011 đến ngày 12/01/2013 bằng hình thức tín chấp, không lãi suất (các phiếu chi đều có ký nhận của bà G).

Tổng số tiền Công ty C cho bà G vay là: 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*). Khoản tiền nợ này được hạch toán vào tài khoản (mục) các khoản phải thu khác trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty C.

Đến hạn trả nợ không thấy bà G trả tiền nên Công ty C đã cử ông H liên hệ với bà G để yêu cầu bà G trả nợ. Tuy nhiên, bà G không những không trả, mà còn trốn tránh, dùng nhiều hình thức khác nhau để gây khó dễ cho ông H. Bức xúc trước hành vi trái pháp luật của bà G, Công ty C do ông Phạm Văn H đại diện theo pháp luật chính thức khởi kiện ra Tòa để yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh G trả số tiền 12.597.500.000 đồng (*Mười hai tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó:

- Tiền gốc là 7.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: bảy tỷ năm trăm triệu đồng*);
- Buộc bà G bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp, thực tế và những

khoản lẽ ra được hưởng số tiền như sau:

+ Đối với hợp đồng vay ngày 01/11/2020 tạm tính đến hết ngày 01/4/2022:
 $3.500.000.000 \times 6\%/năm(0,5\%/tháng) \times 137 \text{ tháng} = 2.397.500.000 \text{ đồng}$

+ Đối với hợp đồng vay ngày 22/01/2011 tạm tính đến ngày 22/4/2022:
 $4.000.000.000đ \times 6\%/năm(0,5\%/tháng) \times 135 \text{ tháng} = 2.700.000.000 \text{ đồng}.$

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông Nguyễn Strình bày:*

Ông Nguyễn S xác nhận giữa bà Nguyễn Thị Thanh G và Công ty C có ký 02 Hợp đồng: Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2020 và Hợp đồng cho vay ngày 12/01/2011 và có ký các phiếu chi ngày 01/11/2010, ngày 10/11/2010; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2010; Phiếu chi ngày 12/01/2011. Tổng số tiền vay là 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, trên thực tế bà G không nhận khoản tiền này. Ngoài ra bà G và Công ty C còn có ký các Văn bản, thủ tục tài chính khác. Đối với 02 Hợp đồng nợ này khẳng định bà G đã thanh toán bằng các thủ tục hợp thức khác.

Về vấn đề công nợ bà G khẳng định đến thời điểm này bà G hoàn toàn không nợ đồng nào đối với Công ty C, ít nhất là từ năm 2014 (tức sau thời điểm tôi rời khỏi Công ty C), bằng chứng là từ 2014 đến nay không có 1 biên bản đối chiếu công nợ và xác nhận công nợ nào (nguyên tắc tài chính là không lập biên bản xác nhận công nợ và đối chiếu công nợ nếu số dư nợ bằng 0).

Đối với khoản tiền Công ty C yêu cầu bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp, thực tế và những khoản lẽ ra được hưởng số tiền là không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Công ty C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng đến thời điểm phiên họp ngày hôm nay, phía Công ty C vẫn không cung cấp được. Do vậy, bà G không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Ông Nguyễn S đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Ngày 21/8/2024, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh G giao nộp Thông báo về việc chấm dứt ủy quyền cho ông Nguyễn S. Theo đó, kể từ ngày 21/8/2024 ông Nguyễn S không còn là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh G trong vụ án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C là bà Hoàng Thị D trình bày: Công ty C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà G bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp, thực tế và những khoản lẽ ra được hưởng với số tiền tạm tính đến

tháng 04/2022 là 5.097.500.000 đồng. Công ty C giữ nguyên yêu cầu buộc bà G trả số tiền gốc đã mượn là 7.500.000.000 đồng.

- Bị đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh G vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, kèm đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C và ủy quyền cho Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày một số nội dung tại phiên tòa: Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả lại số tiền 12.597.500.000 đồng (*Mười hai tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) cho Công ty C, trong đó, số tiền gốc là: 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*) và tiền bồi thường thiệt hại là 5.097.500.000 đồng (*Năm tỷ không trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), bởi các lý do sau:

- Đối với số tiền gốc 7.500.000.000 đồng:

Thứ nhất, giữa bà G và Công ty C hoàn toàn không có giao dịch vay tiền theo Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010 và ngày 12/01/2011, tức Công ty C không giao và bà G không nhận số tiền 7.500.000.000 đồng của Công ty C. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ khởi kiện liên quan đến việc vay mượn giữa bà G và Công ty C là để “*hợp thức hóa*” giấy tờ cho một số hoạt động kinh doanh của Công ty C. Do đó, thực tế bà G không nhận số tiền 7.500.000.000 đồng này từ Công ty C.

Thứ hai, về mặt số liệu, tại các bản Báo cáo tài chính của Công ty C từ năm 2010 đến năm 2014, toàn bộ số tiền “*vay*” của bà G đã được Công ty C “*xử lý*”. Đến ngày 31/12/2014, bà G không còn bất cứ khoản nợ nào với Công ty C nên Công ty C không có cơ sở để yêu cầu bà G trả tiền.

- Đối với số tiền bồi thường thiệt hại 5.097.500.000 đồng:

Tại phiên tòa, Công ty C đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà G bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp, thực tế và những khoản lẽ ra được hưởng số tiền với số tiền tạm tính đến tháng 04/2022 là 5.097.500.000 đồng. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G không có ý kiến đối với đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện này của Công ty C.

Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết: Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả lại số tiền gốc 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*) cho Công ty C. Còn về yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà G bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp, thực tế và những khoản lẽ ra được hưởng

với số tiền tạm tính đến tháng 04/2022 là 5.097.500.000 thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C trình bày:*

Việc nguyên đơn khởi kiện đòi tài sản đối với bị đơn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật vì có tài liệu, chứng cứ là các Hợp đồng cho vay, phiếu chi, Biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của bà G và được bà G thừa nhận. Công ty C cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ là hai Hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2010 và ngày 12/01/2011; Phiếu chi tiền ngày 01/11/2010, ngày 10/11/2010 và ngày 12/01/2011; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2010 đều có chữ ký của bà G. Tại phiên tòa Công ty C xác nhận số tiền 7.500.000.000đ không phải do bị đơn nộp vào Công ty C mà do Công ty C lấy từ nguồn tiền tạm ứng của Ban Quản lý huyện Nam Giang cho Công ty C rồi Công ty C tạm ứng cho các khoản vay của bà G, cụ thể năm 2013: tạm ứng 5.856.300.000 đồng; năm 2014: tạm ứng 1.643.700.000 đồng. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty C thừa nhận nội dung, số liệu trong bản trình bày ý kiến ngày 26/02/2024 của ông Sơn là đúng vì trùng với phần trình bày ông H đã cung cấp cho luật sư.

Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C đều xác nhận trong quá trình hoạt động Công ty C có sử dụng rất nhiều bản báo cáo tài chính nên đề nghị Hội đồng xét xử không sử dụng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp vì có sự sai lệch, mà chỉ sử dụng tài liệu chứng cứ của bị đơn nộp cho Tòa án (*Báo cáo tài chính năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014*) để làm tham chiếu và căn cứ xét xử, bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh hợp đồng vay tiền là hợp đồng giả cách nhằm hợp thức hóa hồ sơ tài chính của Công ty C nên đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - Luật sư Hồ Minh K trình bày:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư Hồ Minh K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty C vì cho rằng đây là giao dịch giữa một pháp nhân với một cá nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các báo cáo tài chính của doanh nghiệp là tài liệu, chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án. Trong hoạt động của doanh nghiệp các số liệu được thể hiện tại báo cáo tài chính phải đúng và chính xác, phía Công ty C cung cấp cho Tòa án các báo cáo tài chính từ năm 2010 đến năm 2013 không

đúng với báo cáo thực tế mà Công ty C đã nộp để báo cáo tài chính với Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty C làm lại các báo cáo tài chính để “củng cố” khoản tiền vay của bà G nên số liệu trong các báo cáo tài chính do nguyên đơn giao nộp cho Tòa không chính xác, sai sót về số liệu đầu kỳ cuối kỳ, sai sót về số liệu tổng và số liệu chi tiết. Tại phiên tòa, phía bị đơn xác định giao dịch vay tiền là giả tạo nhằm giúp Công ty C “xử lý” số liệu trong các báo cáo tài chính. Ngoài ra, căn cứ báo cáo tài chính từ năm 2010 đến 2014 do bị đơn giao nộp được nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa đã thể hiện bà G không còn nợ Công ty C khoản tiền nào, nguyên đơn cũng thừa nhận khoản nợ của bị đơn đã được hạch toán năm 2013 là 5.856.300.000 đồng, năm 2014 là 1.643.700.000 đồng, tức là hết nợ nên Công ty C không thể kiện buộc bà G phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là: 7.500.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010, Hợp đồng cho vay ngày 12/01/2011. Đại diện theo ủy quyền của Công ty C cho rằng Công ty C dùng tiền tạm ứng từ Ban quản lý huyện Nam Giang để tạm ứng chi trả cho các khoản vay của bà G nhưng hoàn toàn không có yêu cầu nào từ bà G cũng như không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh việc đó. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn S trình bày:

Theo nội dung thể hiện trong hồ sơ khởi kiện của Công ty C, thời gian xảy ra sự kiện tranh chấp là từ năm 2010 - 2013, thời điểm này ông Nguyễn S(tôi) đang là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty C nên nắm rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty C, bao gồm cả việc Công ty C ký kết Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010, Hợp đồng cho vay ngày 12/01/2011 với bà G. Đồng thời, hiện nay tôi vẫn còn lưu giữ một số tài liệu liên quan đến sự việc này. Do đó, tôi khẳng định về bản chất không có sự việc bà Nguyễn Thị Thanh G vay tiền của Công ty C vào năm 2010 và năm 2011 và bà G cũng chưa từng nhận bất kỳ khoản tiền nào từ Công ty C như hồ sơ khởi kiện của Công ty C thể hiện. Do vậy, tôi thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh G, luận cứ bảo vệ của Luật sư Hồ Minh K. Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với bà Nguyễn Thị Thanh G về việc buộc bà G trả lại số tiền gốc là 7.500.000.000 đồng.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

1. Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C về việc bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp, thực tế và những khoản lẽ ra được hưởng với số tiền tạm tính đến tháng 04/2022 là 5.097.500.000 đồng.

2. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại số tiền gốc là 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*) theo 02 Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010 và ngày 12/01/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C đối với bà Nguyễn Thị Thanh G.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C phải chịu 115.500.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí là 60.298.750 đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C đã nộp theo Biên lai thu số 5868 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C còn phải nộp 55.201.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty C có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Công ty C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty C cung cấp các bản Báo cáo tài chính từ năm 2011 đến năm 2024 đã được chỉnh sửa số liệu thể hiện cho đến thời điểm hiện tại bà Nguyễn Thị Thanh G vẫn đang còn nợ Công ty C số tiền 7.500.000.000 đồng.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thanh G cung cấp 03 hoá đơn nộp tiền vào tài khoản của Công ty C tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) với số tổng tiền 5.856.300.000 đồng và cho rằng Hợp đồng vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh G với Công ty C giả tạo từ khi ký hợp đồng đến quá trình trả nợ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm Người Đại diện theo uỷ quyền của Công ty C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai ông Phạm Văn H; bà Nguyễn Thị Minh H1 và bà Đoàn Thị Nhật M đến tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng ông Phạm Văn H; bà Nguyễn Thị Minh H1 và bà Đoàn Thị Nhật M vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Phạm Văn H; bà Nguyễn Thị Minh H1 và bà Đoàn Thị Nhật M.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C. Xét kháng cáo của Công ty C thì thấy:

[2] Đối với câu khởi kiện của Công ty C về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh G trả lại số tiền 7.500.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010 và Hợp đồng cho vay ngày 12/01/2011:

[2.1] Ngày 01/11/2010, Công ty C và bà Nguyễn Thị Thanh G có ký hợp đồng vay tiền. Theo hợp đồng thì Công ty C cho bà G vay số tiền 3.500.000.000 đồng, hình thức tín chấp, theo lãi suất ngân hàng, thời hạn vay từ 01/11/2010 đến 01/11/2012. Công ty C đã giao tiền 02 đợt cho bà G: Đợt 1, số tiền là: 500.000.000 đồng (phiếu chi ngày 01/11/2010) và Đợt 2, số tiền là: 3.000.000.000 đồng (phiếu chi ngày 10/11/2010).

Tiếp đến ngày 12/01/2011, Công ty C và bà Nguyễn Thị Thanh G có ký hợp đồng vay tiền. Theo hợp đồng thì Công ty C cho bà G vay số tiền 4.000.000.000 đồng, hình thức tín chấp, không lãi suất, thời hạn vay từ thời hạn vay từ ngày 12/01/2011 đến ngày 12/01/2013. Công ty C đã giao tiền cho bà G theo phiếu chi ngày 12/01/2011.

[2.2] Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010 và Hợp đồng cho vay ngày 12/01/2011 được ký kết giữa Công ty C (do ông Phạm Văn H là đại diện theo pháp luật) và bà Nguyễn Thị Thanh G được lập thành văn bản, tại thời điểm ký kết các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, ngoài hợp đồng vay tiền Nguyên đơn còn cung cấp các Phiếu chi ngày 01/11/2010, ngày 10/11/2010, ngày 12/01/2011 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2010 đều có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thanh G nên việc bà G cho rằng bà G ký hợp đồng vay tiền và phiếu chi nêu trên chỉ nhằm hợp thức hóa các số liệu trong báo cáo tài chính của Công ty C chứ thực tế không có việc vay tiền nhưng bà G không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh được giao dịch vay mượn tiền nêu trên là giả tạo. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005 để công nhận hiệu lực của giao dịch vay tiền trên và các bên tham gia giao dịch phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết là có căn cứ.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 thể hiện số tiền phải thu của bà G giảm từ 7.500.000.000 đồng xuống còn 1.643.700.000 đồng và Báo cáo tài chính năm 2014 thì toàn bộ số tiền 1.643.700.000 đồng đã được quyết toán xong, số tiền phải thu của bà G bằng 0, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty C không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã dùng khoản tiền khác để thanh toán khoản nợ của bà G nên xác định bà G đã thanh toán xong nợ, từ đó bác yêu cầu của Nguyên đơn là mâu thuẫn, bởi lẽ:

Bà G cho rằng các Hợp đồng vay và phiếu chi là giả tạo nên không có vay, không có trả. Như vậy mặc dù trên hệ thống Báo cáo tài chính ghi nhận bà G không còn nợ nhưng thực tế bà G không thanh toán số tiền này; Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty C có nghĩa vụ chứng minh đã trả tiền nên số nợ trên Báo cáo tài chính bằng 0 là không đúng đối tượng, trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản nợ là có thật thì

bà G phải có nghĩa vụ chứng minh đã trả nợ bằng các phiếu thu tiền, chứng từ chuyển khoản trả nợ.

Như đã nhận định ở phần trên thì việc vay mượn là có thật chứ không phải giả tạo như bà G trình bày, bà G không có chứng cứ chứng minh đã trả nợ, việc Báo cáo tài chính xác định số nợ của bà G bằng 0 không đồng nghĩa với việc bà G đã trả nợ, việc trả nợ phải bằng các chứng từ thu tiền, chuyển khoản... Mặt khác, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của bà G cũng khẳng định bà G không trả số tiền này. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm cần xác định định bà G còn nợ Công ty C số tiền 7.500.000.000 đồng và buộc bà G thanh toán mới đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ báo cáo tài chính để xác định bà G đã trả nợ cho Công ty C là không phù hợp.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Công ty C cung cấp các bản Báo cáo tài chính từ năm 2011 đến năm 2024 đã được chỉnh sửa số liệu thể hiện cho đến thời điểm hiện tại bà G vẫn đang còn nợ Công ty C số tiền 7.500.000.000 đồng và Người đại diện theo ủy quyền của bà G cung cấp 03 hoá đơn nộp tiền vào tài khoản của Công ty C tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) với số tổng tiền 5.856.300.000 đồng, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ này không chứng minh được bà G đã trả nợ số tiền đã vay cho Công ty C nên không làm thay đổi bản chất của vụ án.

Từ những nhận định như trên, HĐXX cần chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C và Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C số tiền 7.500.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2010 và Hợp đồng cho vay ngày 12/01/2011 là phù hợp với Điều 290 và Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C nên bà

Nguyễn Thị Thanh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng + (3.500.000.000 đồng x 0,1%) = 115.500.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.298.750 đồng theo Biên lai thu số 5868 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004519 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C. Sửa bản án sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1) thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền tạm tính đến tháng 04/2022 là 5.097.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*" đối với bà Nguyễn Thị Thanh G.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C số tiền 7.500.000.000 đồng. (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Thanh G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Thanh G phải chịu thêm khoản lãi tương ứng

với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh G phải chịu là 115.500.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.298.750 đồng theo Biên lai thu số 5868 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004519 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Khu vực 1, Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng